

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2017

V/v : ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tú.

2. Bà Nguyễn Thị Lý.

- Thư ký Tòa án: Bà Bùi Thị Lan Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 211/2017/TLST-HNGĐ ngày 17/7/2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2017/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tú A, sinh năm: 1972; Địa chỉ: Số nhà X, ngõ Y, đường T, phố K, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Giang Minh P, sinh năm: 1968.

Trú tại: Số nhà A, đường N, phố T, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H - Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh Đ - Trưởng phòng Tư pháp Ủy ban nhân dân huyện H (Văn bản uỷ quyền ngày 21/7/2017).

Tại phiên toà có mặt chị A ; vắng mặt anh P, bà Đ (Anh P, bà Đ có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2017, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ xuất trình, nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Tú A) trình bày:

Chị và anh Giang Minh P có đăng ký kết hôn ngày 20 tháng 11 năm 1992 tại Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, không bên nào bị ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn **không thể giải quyết được nên** chị và hai con đã về nhà bố mẹ để chị ở, **anh chị đã sống ly thân nhau nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai.** Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình giải quyết cho chị được ly hôn anh Giang Minh P.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Giang Quý T, sinh ngày 08/7/1993 và cháu Giang Thị Thanh T, sinh ngày 05/11/2000. Hiện Cháu Quý T đã lớn, trưởng thành tự lập được cuộc sống, còn cháu Thanh T đang ở với chị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con khi ly hôn đối với cháu Thanh T. Nguyên vọng của chị xin được nuôi cháu Thanh T, không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên hòa giải ngày 24/7/2017, chị và anh P đã thỏa thuận trường hợp vợ chồng ly hôn giao cháu Giang Thị Thanh T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thanh T, anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị. Chị đề nghị Tòa án công nhận thỏa thuận giữa chị và anh P về việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con trong trường hợp vợ chồng ly hôn như anh chị đã thỏa thuận

Về tài sản, công nợ chung: không đề nghị Toà án giải quyết.

Bị đơn – anh Giang Minh P trình bày:

Quá trình tìm hiểu, thời gian kết hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị Tú A đúng như chị A đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2007 thì phát sinh mâu thuẫn. **Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra xung đột không thể giải quyết được và vợ chồng đã sống ly thân nhau 04 năm nay.** Nay chị A làm đơn ly hôn anh anh nhất trí ly hôn.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung như chị A đã trình bày. Hiện Cháu Quý T đã lớn, đi làm tự lo được cho bản thân, còn cháu Thanh T tùy nguyên vọng của cháu, cháu muốn ở với ai anh nhất trí. Tại phiên hòa giải ngày 24/7/2017, anh và chị A đã thỏa thuận trường hợp vợ chồng ly hôn giao cháu Giang Thị Thanh T cho

chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thanh T, anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, về công nợ chung: Không đề nghị Toà án giải quyết.

Đại diện UBND huyện H trình bày:

Ngày 20/11/1992, Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình có cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị Nguyễn Thị Tú A và anh Giang Minh P, đối chiếu quy định của pháp luật về Hôn nhân và Gia đình thì việc cấp giấy chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân huyện H là không đúng quy định. Đề nghị Toà án căn cứ quy định của pháp luật giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án về: Thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ, đúng thời gian đảm bảo cho đương sự thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình. Thủ tục triệu tập các đương sự là hợp lệ; việc tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thực hiện đúng thời hạn chuẩn bị xét xử; việc gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu cũng như các văn bản tố tụng đảm bảo thời hạn luật định.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự

* Ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 15, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP

ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Tuyên:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Tú A và anh Giang Minh P. Hủy giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Tú A và anh Giang Minh P do UBND huyện H cấp ngày 20/11/1992.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Tú A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục đối với cháu Giang Thị Thanh T sinh ngày 05/11/2000 đến khi cháu Thanh T đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống. Anh Giang Minh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, có quyền đi lại, thăm nom con chung. Không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này. Khi cần các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Tú A phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về đương sự vắng mặt tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Đ, anh Giang Minh P vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin Tòa án xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về Ly hôn: Chị Nguyễn Thị Tú A và anh Giang Minh P kết hôn ngày 20/11/1992, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Theo anh P khai, khoảng 7 năm sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Chị A, anh Giang Minh P cho rằng nguyên nhân do tính tình không hợp, cách sống của vợ chồng quá khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể giải quyết được và vợ chồng sống ly thân nhau 4 năm nay. Nay, cả chị A và anh Giang Minh P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị A xin ly hôn anh P cũng đồng ý. Xét thấy: Chị Nguyễn Thị Tú A và anh Giang Minh P có đủ các điều kiện để kết hôn và đã đi đăng ký kết hôn, nhưng việc đăng ký kết hôn giữa anh chị do Ủy ban nhân dân huyện H thực hiện là không đúng cơ

quan nhà nước có thẩm quyền nên không có giá trị pháp lý. Căn cứ hướng dẫn tại khoản 3 điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016, Tòa án áp dụng Điều 9 của luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh P đồng thời hủy giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Tú A và anh Giang Minh P do Ủy ban nhân dân huyện H cấp.

3. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tú A và anh Giang Minh P có hai con chung là cháu Giang Quý T, sinh ngày 08/7/1993 và cháu Giang Thị Thanh T, sinh ngày 05/11/2000. Hiện cháu Quý T đã trưởng thành, tự lập được cuộc sống, còn cháu Thanh T đang ở với chị A. Anh chị thỏa thuận giao cháu Giang Thị Thanh T cho chị Nguyễn Thị Tú A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thanh T đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, anh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị A. Xét thỏa thuận của chị A và anh P là tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận.

4. Về tài sản, công nợ chung: Do không có yêu cầu của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú A phải nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư Pháp;

Áp dụng: Điều 9, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tú A và anh Giang Minh P.

2. Huỷ giấy chứng nhận kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Tú A và anh Giang Minh P do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 20/11/1992.

3. Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con: Giao cháu Giang Thị Thanh T cho chị Nguyễn Thị Tú A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Thanh T đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, anh Giang Minh P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị A.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tú A phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000564 ngày 11/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình. Chị A đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị Tú A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. UBND huyện H, anh Giang Minh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- THADS TP. Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND huyện H;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

VŨ THỊ HIỀN